

Số: 374/BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011- 2014
(Phục vụ Đoàn thanh tra Ủy ban Dân tộc)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5438/UBND-ĐNMN ngày 23/10/2015 về việc chuẩn bị báo cáo và làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban Dân tộc, theo hướng dẫn của Thanh tra Ủy ban Dân tộc tại Văn bản số 294/TTr-PIII ngày 12/10/2015 về việc cung cấp báo cáo, hồ sơ tài liệu và dự kiến tiến độ thực hiện cuộc thanh tra, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo Đoàn thanh tra Ủy ban Dân tộc kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Quyết định số 551/QĐ-TTg, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Khái quát tình hình và đánh giá chung kết quả thực hiện một số Chương trình, chính sách dân tộc từ năm 2011 đến năm 2014:

1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg

a) Thuận lợi.

- Chương trình 135 trong giai đoạn 2011-2014 được kế thừa những kinh nghiệm trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến xã. Trong giai đoạn này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi khóa XVIII đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững 06 huyện miền núi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 13/10/2011); Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có các Quyết định phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Đó là những định hướng sát thực, cụ thể để các địa phương tổ chức thực hiện Chương trình 135.

b) Khó khăn.

- Về nội dung: trong giai đoạn 2011-2014, Chương trình 135 không đồng bộ về nội dung trong cả giai đoạn. Cụ thể là:

+ Năm 2011: Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 của năm 2011 được TW bố trí vào cuối tháng 11/2011, vì vậy phần vốn này đã được chuyển sang thực hiện trong năm 2012 (gồm có 03 hợp phần là Hỗ trợ phát triển sản xuất, Hỗ trợ xây dựng CSHT và Đào tạo, nâng cao năng lực).

+ Giai đoạn 2012-2013: Năm 2012 ngoài việc triển khai phần vốn được bố trí trong tháng 11/2011; kế hoạch năm 2012 và 2013 của Chương trình 135 được bố trí vốn và thực hiện theo qui định của dự án Hỗ trợ cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản ĐBKK (dự án 2) thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững với mục tiêu là tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống dân sinh ở các vùng đặc biệt khó khăn (không có hợp phần Hỗ trợ sản xuất, không có Hợp phần đào tạo).

+ Năm 2014: Chương trình 135 được thực hiện theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 551/QĐ-TTg) với 02 Hợp phần là Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Về vốn đầu tư: Trong giai đoạn 2011-2015, vốn đầu tư TW bố trí cho Chương trình 135 vẫn giữ như định mức đầu tư của Chương trình 135 trong giai đoạn 2006-2010, ngay cả đối với các năm 2013-2014 chương trình được thực hiện theo qui định của Quyết định số 551/QĐ-TTg của TTCP (với định mức tăng 1,5 lần so với định mức của Chương trình trong giai đoạn 2006-2010);

- Về hướng dẫn thực hiện: một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của các cơ quan Trung ương chưa kịp thời; công tác tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình không được thực hiện (nhất là tập huấn hướng dẫn cho cấp xã) nên ảnh hưởng đến hiệu quả và thực hiện mục tiêu của chương trình.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 là nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất.

a. Dự án của tỉnh đã được phê duyệt

Tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã duyệt Kế hoạch ĐCĐC cho đồng bào DTTS du canh, du cư ở Quảng Ngãi đến năm 2012 là 35 Dự án (29 Dự án ĐCĐC tập trung và 6 Dự án ĐCĐC xen ghép) nội dung cơ bản như sau:

- Số hộ thụ hưởng chính sách: 2.042 hộ gồm 7.879 khẩu

- Tổng vốn là 199.179 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn ĐTPT: 129.682 triệu đồng.
 - + Vốn sự nghiệp: 60.606 triệu đồng.
 - + Vốn lồng ghép: 8.891 triệu đồng.
- Các nguồn vốn trên được phân theo 2 hình thức ĐCĐC:
 - + *Hình thức ĐCĐC tập trung*: 29 Dự án có 1.564 hộ, 6.214 khẩu, tổng vốn là 160.968 triệu đồng thuộc ngân sách Trung ương, gồm:
 - . Vốn ĐTPT: 129.682 triệu đồng.
 - . Vốn sự nghiệp: 31.286 triệu đồng.
 - + *Hình thức ĐCĐC xen ghép*: 06 Dự án (mỗi huyện vùng cao 01 Dự án) có 478 hộ, 1.665 khẩu, tổng vốn là 38.211 triệu đồng, gồm:
 - . Vốn sự nghiệp: 29.320 triệu đồng.
 - . Vốn địa phương và lồng ghép vốn khác: 8.891 triệu đồng.

Thực hiện Công văn số 780/UBND-CSĐT ngày 29/9/2009 và Công văn số 793/UBND-CSĐT ngày 30/9/2009 của Ủy ban Dân tộc về việc chỉ đạo thực hiện Chương trình 135, Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg và Chương trình trung tâm cụm xã; UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện rà soát, điều chỉnh bổ sung các Dự án trên và đến cuối tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh có các Quyết định phê duyệt lại 35 Dự án ĐCĐC (29 Dự án ĐCĐC tập trung và 6 Dự án ĐCĐC xen ghép) nội dung cơ bản như sau:

- Số hộ thu hưởng chính sách: 2.230 hộ, với 8.966 khẩu.
- Tổng vốn là 252.724,8 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn NSTW (theo QĐ số 1342/QĐ-TTg): 192.142,0 triệu đồng.
 - + Vốn địa phương và lồng ghép vốn khác: 60.582,8 triệu đồng.
- Phân theo 2 hình thức ĐCĐC như sau:
 - + *Hình thức ĐCĐC tập trung*: 29 Dự án có 1.400 hộ, 5.719 khẩu, tổng vốn là 221.550,8 triệu đồng, gồm:
 - . Vốn NSTW: 160.968 triệu đồng.
 - . Vốn địa phương và lồng ghép vốn khác: 60.582,8 triệu đồng.
 - + *Hình thức ĐCĐC xen ghép*: 06 Dự án (mỗi huyện vùng cao 01 Dự án) có 830 hộ, 3.247 khẩu, tổng vốn là 31.174 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b. Tình hình và kết quả thực hiện từ năm 2009 đến nay

Vốn Trung ương bố trí từ năm 2009 đến nay (tổng vốn là 93.300,00 triệu đồng đạt 46,8% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg, trong đó: vốn ĐTPT là 38.600,0 triệu đồng chiếm 29,7% và vốn SN là 54.700,0 triệu đồng chiếm 90,3% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg) đã gặp khó khăn cho địa phương:

- + Nguồn vốn TW phân bổ không đảm bảo thực hiện được mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- + Tỷ lệ giữa hai nguồn vốn ĐTPT và nguồn vốn sự nghiệp đã bố trí chưa hợp lý, vì chưa có vốn ĐTPT để xây dựng cơ sở hạ tầng mà lại bố trí vốn sự nghiệp để

hỗ trợ trực tiếp cho hộ về điểm ĐCĐC tập trung nên không thể thực hiện được vốn sự nghiệp đã phân cho một số Dự án ĐCĐC tập trung trong những năm vừa qua. Do vậy, năm 2015 Trung ương bố trí vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng, đến nay chưa phân bổ được vì: hình thức ĐCĐC xen ghép không còn đối tượng để thực hiện; các Dự án ĐCĐC tập trung còn lại chưa được bố trí vốn ĐTPT để xây dựng hạ tầng thiết yếu nên chưa có cơ sở để phân bổ vốn này.

II. Công tác chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai thực hiện

1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg

a. Cấp tỉnh

Trong giai đoạn này và theo quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg, cấp tỉnh không thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135 riêng mà nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 do Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh thực hiện. UBND tỉnh đã có quyết định bổ trí Trưởng Ban Dân tộc tỉnh làm Phó Trưởng Ban của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh theo quy định của Quyết định số 551/QĐ-TTg. Ban Dân tộc là cơ quan thường trực của Chương trình chủ động và phối hợp với các Sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tham mưu cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh trong công tác chỉ đạo thực hiện chương trình.

b. Cấp huyện

Nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn huyện do Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững huyện chỉ đạo. Nhiệm vụ thường trực Chương trình cấp huyện được giao cho Phòng Dân tộc huyện đảm nhận. Cơ quan thường trực có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị chức năng của huyện tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại huyện và xã.

c. Cấp xã

Sử dụng Ban quản lý dự án chung của xã hoặc thành lập Ban quản lý dự án mới để thực hiện chương trình, do một đồng chí lãnh đạo UBND xã làm Trưởng ban; đồng thời thành lập Ban Giám sát xã do một đồng chí là Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã làm Trưởng ban, thành viên là đại diện của các Hội, đoàn thể xã, các Trưởng thôn và người có uy tín trong cộng đồng.

d. Công tác tham mưu của Ban Dân tộc tỉnh

Với nhiệm vụ là cơ quan Thường trực Chương trình 135 tỉnh, trong các năm qua, Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg.

- Chủ trì nghiên cứu xây dựng Tiêu chí phân loại xã theo mức độ khó khăn, hướng dẫn UBND các huyện rà soát thông tin, xác định điểm số sau đó phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Tiêu chí phân loại xã đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Ngãi (UBND tỉnh đã ban hành Tiêu chí này kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 22/01/2014). Trên cơ sở đó, Ban Dân tộc tỉnh đã hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định các tiêu chí của xã và tổng hợp, trao đổi với các cơ quan có liên quan cấp tỉnh để thống nhất tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phân loại xã, làm căn cứ để quyết định phân khai kế hoạch vốn cho các địa phương trong kế hoạch các năm 2014.

- Hàng năm, Ban Dân tộc tỉnh cũng đã chủ động hướng dẫn, hỗ trợ và đôn đốc các địa phương xây dựng kế hoạch, chuẩn bị triển khai thực hiện Chương trình. Tổng hợp, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh để phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh phân khai kế hoạch cho các địa phương theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn của tỉnh để hướng dẫn, hoặc tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

- Đối với nội dung Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh người DTTS ở khu vực đặc biệt khó khăn (thuộc kế hoạch của Chương trình 135 năm 2011), Ban Dân tộc đã phối hợp với các địa phương và đơn vị có liên quan của tỉnh đề xuất các giải pháp để có thể thực hiện chính sách này cho các đối tượng thụ hưởng (đã đề nghị UBND tỉnh cho tạm ứng trước ngân sách nhằm thực hiện chế độ cho học sinh trong khi kinh phí chậm được Bộ Tài chính thông báo). Nhìn chung, cũng như các năm học trước, cho đến cuối năm 2011, phần lớn học sinh thuộc diện đã được hưởng chính sách theo đúng qui định, góp phần giảm mạnh tỉ lệ bỏ học giữa chừng của học sinh người DTTS trong các năm;

- Đối với các dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại bổ sung của nước ngoài (Chính phủ Phần Lan, Chính phủ Ai Len, Liên minh Châu Âu - EU), Ban đã có các văn bản hướng dẫn, phối hợp với UBND các huyện xác định, đề xuất danh mục và đăng ký với các cơ quan TW, khi có kế hoạch, đã tham mưu với UBND tỉnh giao kế hoạch cho UBND các huyện để tổ chức thực hiện; thực hiện kiểm tra, giám sát, tổ chức phối hợp với đoàn kiểm tra của Đại diện Nhà tài trợ kiểm tra tình hình sử dụng vốn, góp phần đảm bảo tiến độ theo yêu cầu và các công trình đều hoàn thành trong thời gian qui định trong quyết định giao vốn của cơ quan có thẩm quyền.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra tổng thể Chương trình 135 trong từng năm và chi tiết theo từng đợt (02 đợt kiểm tra/năm), gọi cho toàn bộ các đơn vị có liên quan để chủ động sắp xếp thời gian, tham gia đoàn kiểm tra; Tham mưu cho UBND tỉnh trực báo định kỳ của Ban chỉ đạo, đề xuất biện pháp để thúc đẩy giải ngân vốn của Chương trình; kiến nghị các Bộ liên quan hướng dẫn, góp phần làm cho tiến độ, nội dung của Chương trình được triển khai theo kế hoạch UBND tỉnh giao (theo văn bản đề nghị của Ban về Chương trình 135 năm 2012, Bộ Tài chính đã có ý kiến trả lời về việc giải ngân vốn của Chương trình, làm cơ sở cho Kho bạc Nhà nước tỉnh và các huyện có liên quan thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc giải ngân vốn của dự án này tương đối kịp thời).

- Hướng dẫn UBND các huyện, các xã rà soát, bổ sung, điều chỉnh danh mục địa bàn thực hiện Chương trình 135, tham mưu UBND tỉnh báo cáo UBNDT để điều chỉnh kịp thời.

d. Về phân cấp quản lý thực hiện

- Đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý Nhà nước về chuyên ngành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện dự án này ở các địa phương. Ở cấp huyện, UBND huyện quyết định phê duyệt dự án và UBND xã tổ chức lựa chọn, chỉ định đơn vị cung cấp, thực hiện dịch vụ.

- Đối với dự án hỗ trợ đầu tư CSHT: UBND tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cho UBND các huyện. UBND huyện là cơ quan quyết định đầu tư các dự án và chủ đầu tư thực hiện lựa chọn, chỉ định đơn vị thi công.

Với nhiệm vụ là Cơ quan đầu mối của Chương trình ở cấp tỉnh, trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để trình UBND tỉnh giao kế hoạch cho UBND các huyện; Chủ trì, tổ chức phối hợp với các cơ quan chuyên môn để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình của các địa phương. Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Chương trình sau khi các huyện được giao kế hoạch; Ban Dân tộc tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh và UBND các huyện, tổ chức các đợt kiểm tra tình hình thực hiện tại các địa phương; Ban đã thực hiện trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện dự án này theo định kỳ và theo yêu cầu của các cấp, ngành có liên quan.

e. Về phân cấp xã làm chủ đầu tư:

- Đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: 100% số xã thực hiện Chương trình 135 được UBND huyện phân cấp làm chủ đầu tư.

- Đối với dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Trong giai đoạn 2011-2014, UBND các huyện đã phân cấp cho 100% xã thực hiện chương trình 135 làm chủ đầu tư (tuy nhiên, về số công trình, có 92,8% số công trình do UBND xã làm chủ đầu tư và 07,2% tổng số công trình do Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện làm chủ đầu tư).

- Đối với Duy tu bảo dưỡng (DTBD): tất cả các xã có công trình DTBD đều được UBND huyện giao cho UBND xã làm chủ đầu tư.

g. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Trong năm 2011-2013, UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho UBND các huyện theo đúng định mức được TW phân bổ. Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc và các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Xây dựng, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 về việc ban hành Tiêu chí phân loại xã đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2015-2016 tỉnh Quảng Ngãi, làm cơ sở để phân khai kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 cho các địa phương đảm bảo theo hướng xã có mức độ khó khăn nhiều hơn (tương ứng với số điểm cao hơn) sẽ được phân bổ vốn cao hơn và ngược lại.

h. Thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của cộng đồng.

Các nội dung được phép thực hiện, nguồn vốn của Chương trình 135 đều được các địa phương tổ chức thông tin công khai trong các cuộc họp triển khai để tất cả các đối tượng được tham gia ngay từ khâu lập kế hoạch đến việc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định và hướng dẫn của Chương trình.

Theo báo cáo của UBND các huyện, việc lựa chọn các danh mục công trình, nội dung hỗ trợ của các hợp phần thuộc Chương trình 135 hàng năm do UBND các xã thực hiện công khai, minh bạch với sự tham gia tích cực của người dân thông qua các cuộc họp của các thôn, đảm bảo tính dân chủ ở cơ sở trong việc xác định nội dung, công trình sẽ thực hiện trong kế hoạch.

Các kế hoạch thực hiện Chương trình 135 hàng năm được UBND các xã niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, những nơi sinh hoạt cộng đồng để người dân theo dõi. Nội dung niêm yết gồm: nội dung thực hiện Chương trình, mức vốn đầu tư, đơn vị thực hiện....

i. Việc thành lập và hoạt động của Ban giám sát cộng đồng.

Các xã thực hiện Chương trình 135 và các xã có thôn ĐBKK thực hiện Chương trình 135 thành lập Ban Giám sát cộng đồng để giám sát việc đầu tư, thực hiện Chương trình và đã từng bước phát huy được vai trò của mình trong công tác giám sát. Tuy nhiên, chất lượng của công tác giám sát vẫn còn nhiều hạn chế do

năng lực và nhiều điều kiện khác chưa đảm bảo cho hoạt động của Ban giám sát (kinh nghiệm thiếu, kinh phí chưa được cấp,...).

k. Công tác tuyên truyền.

Trong giai đoạn 2011-2014, Chương trình 135 không được bố trí ngân sách để thực hiện việc thông tin, tuyên truyền. Vì vậy, các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình chủ yếu được thực hiện thông qua việc lồng ghép với các cuộc họp lập kế hoạch ở cấp thôn, xã.

Tuy nhiên, với chức năng của mình, Ban Dân tộc tỉnh đã chủ động đưa các nội dung của Chương trình 135 trở thành một trong những nội dung chính trong Kế hoạch phổ biến thông tin, tập huấn cho đối tượng là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh hàng năm. Qua đó, lãnh đạo xã, thôn và những người có uy tín nắm bắt được các yêu cầu của Chương trình 135 trong giai đoạn để tổ chức thực hiện.

Công tác gắn biển công trình 135 được Ban Dân tộc tỉnh nhắc nhở thường xuyên và các đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư cũng đã có sự quan tâm đúng mức. Tất cả các công trình được đầu tư từ nguồn vốn của Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 đều được gắn biển tên công trình theo đúng quy định.

l. Công tác kiểm tra, giám sát.

- Kiểm tra của các cơ quan thuộc tỉnh: Hàng năm, HĐND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh (với vai trò là cơ quan Thường trực của Chương trình) đã thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương. Thông qua các đợt kiểm tra, thanh tra đã phát hiện những thiếu sót, vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình của các cấp, các ngành có liên quan và kịp thời chỉ đạo điều chỉnh và khắc phục những tồn tại, thiếu sót, tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Ban Giám sát xã và hoạt động của Ban Giám sát xã: các xã thực hiện Chương trình 135-II đều thành lập Ban Giám sát xã đại diện cho nhân dân giám sát việc thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình 135-II trên địa bàn xã. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của một số Ban Giám sát xã còn hạn chế.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Dự án định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 - 2010.

- Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn các huyện điều tra, khảo sát lập Dự án thực hiện

Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp và xây dựng Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn ở các huyện vùng cao tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010.

- Ngày 08/7/2009, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS vùng khó khăn của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009-2010, tại Quyết định đã giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành liên quan về công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện Chính sách này như sau:

+ *Ban Dân tộc tỉnh*: Tham mưu giúp UBND tỉnh trong quản lý nhà nước về công tác ĐCĐC và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-FTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ở các huyện và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành.

. Hướng dẫn các huyện xây dựng Kế hoạch và các Dự án ĐCĐC trên địa bàn, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hằng năm.

. Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách ĐCĐC trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh. Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các huyện thành lập Ban quản lý Dự án ĐCĐC cấp huyện.

+ *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Tham mưu giúp UBND tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn quy trình khai hoang tạo quỹ đất sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất, xây dựng hệ thống nước sinh hoạt.

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Hướng dẫn các thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất và đất ở cho dân.

+ *Sở Xây dựng*: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện có hộ đồng bào DTTS thụ hưởng chính sách theo QĐ số 33/2007/QĐ-TTg để ban hành các thiết kế mẫu, dự toán xây dựng nhà ở theo hướng ngân sách Nhà nước hỗ trợ tạo khung nhà, còn lại huy động vốn khác, ngày công, vật liệu của từng hộ dân xây dựng hoàn chỉnh nhà ở, và một số công trình phúc lợi công cộng có sự lựa chọn phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của từng dân tộc và tình hình thực tế của mỗi địa phương.

+ *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định về huy động, lồng ghép các nguồn vốn; hướng dẫn cơ chế lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và tham mưu trình UBND tỉnh cân đối nguồn vốn lồng ghép trên địa bàn để thực hiện Đề án.

+ *Sở Tài chính*: Hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Thông tư hướng dẫn số 99/2007/TT-BTC ngày 10/8/2007 của Bộ Tài chính; tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân

sách tỉnh, nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và các nguồn vốn huy động khác (nếu có) để đảm bảo thực hiện Đề án.

+ *Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi*: Tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện một số chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, kịp thời đưa tin những cá nhân và tổ chức tham gia thực hiện tốt Chính sách này ở từng địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ *UBND huyện có hộ đồng bào DTTS thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg*: Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện.

. Xây dựng Kế hoạch và các Dự án ĐCĐC trên địa bàn, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hàng năm.

. Hàng năm căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch phân bổ của Trung ương, UBND tỉnh phân bổ kinh phí; UBND huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban Quản lý Dự án ĐCĐC của huyện phối hợp với các cơ quan có chức năng giúp UBND huyện quản lý và tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn huyện.

. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, công bố công khai các khoản hỗ trợ trong chính sách và các giải pháp thực hiện về hỗ trợ một số chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg để nhân dân, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong vùng tham gia.

. Tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kịp thời theo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban Dân tộc và UBND tỉnh.

+ *UBND xã, thị trấn*:

. Tổ chức thực hiện vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép và các nguồn vốn khác đúng theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; phối hợp các tổ chức xã hội, đoàn thể và nhân dân ở địa phương có liên quan trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện hình thức định canh định cư tập trung trên địa bàn xã.

. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chính sách hỗ trợ trong nhân dân. Bình xét và phân loại hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất, đất ở phải đảm bảo công khai, dân chủ thông qua các tổ chức đoàn thể, vận động các hộ thực hiện ĐCĐC và cộng đồng dân cư nêu cao ý thức trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ nhau, góp phần thực hiện tốt Chính sách.

III. Kết quả thực hiện

1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg từ năm 2011 đến hết năm 2014.

1.1 Kết quả thực hiện các dự án của Chương trình 135 năm 2011 (kế hoạch vốn năm 2011 và thực hiện trong năm 2012).

a. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Kế hoạch vốn được giao: Tổng vốn của dự án này là 14.150 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện:
 - + Hỗ trợ giống cây trồng: cấp 11,264 tấn hạt giống lúa và đậu xanh; 3,164 triệu cây giống lâm nghiệp các loại gồm cây keo giâm hom, cây quế địa phương, xà cừ; 52.233 cây giống ăn quả, chủ yếu là cây chuối, bưởi da xanh. Tổng số hộ được hỗ trợ giống cây trồng là 3.254 hộ.
 - + Hỗ trợ giống vật nuôi: cấp 2.293 con heo giống; 09 con trâu cái giống; 4.071 con giống gia cầm các loại gồm gà thả vườn và vịt xiêm. Tổng số hộ được cấp giống vật nuôi là 2.307 hộ.
 - + Hỗ trợ vật tư sản xuất: cấp 2,325 tấn phân bón các loại cho 84 hộ.
 - + Hỗ trợ công cụ sản xuất: cấp 64 máy tuốt lúa và máy gặt lúa đeo vai các loại; 1.816 công cụ sản xuất gồm bình phun thuốc, rựa và cuốc. Tổng số hộ được hỗ trợ công cụ sản xuất là 1.756 hộ.
 - + Thực hiện mô hình chuyển giao kỹ thuật: 01 mô hình nuôi trâu cải tiến.
- Giải ngân (đến 31/01/2013): 13.742 triệu đồng, đạt 97,1% kế hoạch.

b. Dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Kế hoạch vốn giao là: 48.200 triệu đồng để xây dựng mới 86 công trình (bao gồm: 03 công trình điện, 49 công trình giao thông nông thôn, 10 nhà sinh hoạt cộng đồng, 11 công trình nước sinh hoạt tập trung, 04 công trình trường mẫu giáo và 9 công trình thủy lợi). Trong đó có 71 công trình đầu tư mới, 15 công trình nâng cấp, mở rộng.
- Kết quả thực hiện:
 - + Về phân cấp: Có 83 công trình (chiếm 96,5% tổng số công trình trong kế hoạch) do UBND các xã làm chủ đầu tư (chiếm 92,86% số xã).
 - + Về tiến độ: tất cả 86 công trình đã được hoàn thành trong năm 2012.
- Về giải ngân (đến 30/01/2013): 46.273 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch.

c. Duy tu bảo dưỡng.

- Kế hoạch được giao là 3.093 triệu đồng (trong đó có 56 triệu đồng thuộc KH năm trước chuyển sang của huyện Sơn Tây để trả nợ khối lượng hoàn thành) để thực hiện duy tu bảo dưỡng cho 33 công trình.
- Tình hình thực hiện: Tất cả 33/33 công trình đã hoàn thành việc duy tu bảo dưỡng đưa vào sử dụng trong năm 2012.
- Về giải ngân (đến 31/01/2013): 2.689 triệu đồng, đạt 88,5% kế hoạch.

d. Dự án Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng.

Tổng kế hoạch vốn giao là 2.985 triệu đồng từ nguồn ngân sách Trung ương. UBND cấp huyện trực tiếp chỉ đạo thực hiện hiện và đã giải ngân được 2.461 triệu đồng, đạt 82,5% kế hoạch.

Kết quả thực hiện: Đã tổ chức 13 lớp tập huấn cho 436 lượt học viên là các bộ cấp xã với các nội dung như kỹ năng về quản lý dự án, kỹ năng về giám sát đầu tư... ; 123 lớp tập huấn với 4.831 lượt học viên là cán bộ thôn và cộng đồng tham dự với các nội dung tập trung chủ yếu về công tác giám sát và duy tu bảo dưỡng công trình CSHT, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi các loại cây trồng, vật nuôi...

Thông qua các khóa tập huấn, cán bộ cấp xã, thôn đã từng bước nắm vững các kiến thức quản lý, tổ chức thực hiện các dự án từ việc chuẩn bị đầu tư đến triển khai thực hiện, giảm thiểu sự sai sót ở mức thấp nhất, rút ngắn thời gian về lập thủ tục đầu tư. Các quy định về thủ tục đầu tư, giải ngân, thanh quyết toán chương trình, dự án đã được thực hiện ngày càng tốt hơn. Các nhóm cộng đồng được nâng cao năng lực đã tiếp cận và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, biết sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào trong sản xuất góp phần tăng thu nhập cho hộ dân và phát triển kinh tế hộ gia đình.

Hợp phần này chỉ được phân bổ vốn năm 2011 (theo nội dung của Chương trình 135 giai đoạn II) và không còn được tiếp tục trong các năm 2012-2014, trong khi đó từ năm 2012 trở về sau, một số cơ chế đầu tư của Chương trình có sự thay đổi khá lớn (thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013, thực hiện Luật Đấu thầu 2013,...), rất cần có các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ xã, thôn. Đây là một trong những hạn chế của Chương trình 135 trong giai đoạn 2011-2014.

1.2. Kết quả thực hiện dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và Quyết định 551/QĐ-TTg.

a. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Về thực hiện vốn: Trong giai đoạn 2012 - 2014, nội dung này chỉ được thực hiện trong kế hoạch năm 2014 với tổng vốn được bố trí là 19.050 triệu đồng. Giải ngân lũy kế đến cuối năm 2014 là 14.617 triệu đồng, đạt 76,7%.

- Kết quả thực hiện:

+ Đã thực hiện hỗ trợ gần 2,760 triệu cây giống lâm nghiệp, cây ăn quả các loại (keo lai, xà cừ, quế, bời lời, xà cừ, sao đen, bưởi, mít...) cho 3.345 hộ; hỗ trợ gần 247 nghìn cây mía giống cho 54 hộ; hỗ trợ trên 8,3 tấn lúa giống, lạc giống cho 625 hộ; hỗ trợ 6,5 tấn cỏ giống cho 50 hộ; hỗ trợ trên 1.000 con giống gia súc các loại (bò, lợn, dê,...) cho 934 hộ; hỗ trợ trên 5.500 con gia cầm các loại (gà, vịt) cho 247 hộ.

+ Hỗ trợ trên 45,7 tấn phân bón các loại cho 1.544 hộ và trên 3.000 đơn vị thuốc bảo vệ thực vật cho 553 hộ.

+ Xây dựng 09 mô hình trồng trọt và chăn nuôi với 118 hộ tham gia; tổ chức 50 khóa tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho 856 lượt người tham dự.

+ Hỗ trợ 804 công cụ sản xuất các loại như cuốc, xẻng, máy cắt lúa... cho 876 hộ.

b. Dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Về thực hiện vốn: Trong giai đoạn 2012-2014, tổng kế hoạch vốn được bố trí cho dự án này là 165.800 triệu đồng. Giải ngân lũy kế đến cuối năm 2014 là 151.932 triệu đồng, đạt 91,6%.

- Kết quả thực hiện: Trong 3 năm, đã có 282 công trình cơ sở hạ tầng các loại được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa. Đến tháng 06/2015, có 282 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Cụ thể:

+ Về giao thông: Đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa 161 công trình, làm cứng hóa và nâng cấp hơn 147 km đường giao thông từ xã về các thôn, tạo điều kiện cho việc đi lại người dân trong vùng. Nhờ đó, các sản phẩm nông, lâm nghiệp được tiêu thụ thuận tiện hơn, góp phần tăng dần tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ trên địa bàn.

+ Về thủy lợi: Với 50 công trình được xây dựng mới và nâng cấp đã đảm bảo tưới ổn định cho 343 ha đất canh tác, góp phần ổn định sản xuất, nâng cao năng suất và sản lượng; đồng thời, những công trình thủy lợi vừa và nhỏ này đã góp phần làm thay đổi tập quán sản xuất phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên của đồng bào, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong vùng.

+ Về công trình điện: Trong giai đoạn này, 06 công trình điện được đầu tư đã tạo điều kiện cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất cho 492 hộ, góp phần nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân.

+ Về giáo dục: Với 10 công trình trường học đã xây dựng, đã làm mới 43 phòng học Mẫu giáo và Tiểu học, từng bước đảm bảo cho các em học sinh có nơi học tập ổn định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng: Thông qua Chương trình, đã có 35 nhà sinh hoạt cộng đồng. Các nhà sinh hoạt cộng đồng đã tạo điều kiện cho người dân có nơi sinh hoạt, họp hành; trao đổi những kinh nghiệm sản xuất, tổ chức các lễ hội của đồng bào. Đồng thời, nhà sinh hoạt cộng đồng cũng là nơi tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhờ đó người dân đã dần hình thành nếp sống mới, văn minh, từng bước bỏ những tập tục lạc hậu.

+ Công trình cấp nước sinh hoạt: Chương trình đã đầu tư xây dựng 20 công trình nước sinh hoạt (thuộc kế hoạch năm 2012) đã tạo điều kiện cung cấp nước sinh hoạt cho 1.804 hộ dân trong vùng, đảm bảo vệ sinh và góp phần vào việc phòng chống một số bệnh dịch trong vùng.

Thông qua việc thực hiện dự án Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, đã góp phần tăng cường năng lực của hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh, tạo cơ sở thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững ở những địa bàn này.

Tuy nhiên, công tác chuyên giao để quản lý, vận hành công trình sau khi nghiệm thu đối với một số công trình chưa được thực hiện đúng với qui định. Vì vậy, một số công trình chưa phát huy được hiệu quả lâu dài, nhất là các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

c. Duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.

- Về thực hiện vốn: Trong giai đoạn 2012-2014, tổng kế hoạch vốn được bố trí để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng là 8.240 triệu đồng từ nguồn ngân sách Trung ương. Giải ngân lũy kế đến cuối năm 2014 là 7.290 triệu đồng, đạt 88,5%.

- Kết quả thực hiện: Trong giai đoạn 2012-2014 đã thực hiện duy tu bảo dưỡng 104 công trình trên địa bàn các xã ĐBK. Trong đó: 28 công trình giao thông; 23 công trình thủy lợi; 01 công trình trường học; 37 công trình nước sinh hoạt tập trung; 14 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng và 01 công trình trạm y tế xã.

Thông qua công tác duy tu bảo dưỡng, các công trình hạ tầng đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được duy trì, kéo dài thời gian sử dụng, phục vụ tốt hơn cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân và góp phần củng cố, đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng của vùng.

1.3. Các dự án sử dụng vốn viện trợ của nước ngoài bổ sung cho Chương trình 135:

Tổng kế hoạch vốn viện trợ của nước ngoài bổ sung cho chương trình 135 của tỉnh trong giai đoạn 2011-2014 là 39.900 triệu đồng để đầu tư xây dựng 35 công trình tại 35 xã ĐBK của tỉnh. Giải ngân đến cuối năm 2014 là 34.881 triệu đồng, đạt 87,4% kế hoạch giao. Kết quả thực hiện của từng nguồn vốn cụ thể như sau:

a) Vốn viện trợ của Chính phủ Phần Lan

Tổng kế hoạch vốn được giao từ nguồn vốn viện trợ này trong năm 2011 là 6.300 triệu đồng để đầu tư xây dựng 06 công trình (mỗi huyện miền núi 01 công trình). Tất cả 06 công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Về giải ngân, đã giải ngân được 6.080 triệu đồng, đạt 96,5% kế hoạch giao.

b) Vốn viện trợ của Liên minh Châu Âu (EU)

Tổng kế hoạch vốn được giao từ nguồn vốn viện trợ này trong năm 2011 thực hiện trong năm 2012 là 10.100 triệu đồng để đầu tư xây dựng 07 công trình (các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Tây Trà và Trà Bồng mỗi huyện 01 công trình, riêng huyện Sơn Tây 02 công trình). Tất cả 07 công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Về giải ngân, đã giải ngân được 9.687 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch.

c) Vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len

Tổng kế hoạch vốn được giao trong giai đoạn 2012-2014 là 23.500 triệu đồng để đầu tư xây dựng 16 công trình (08 công trình giao thông, 01 công trình thủy lợi, 04 công trình điện sinh hoạt, 01 công trình trường học và 04 công trình nước sinh hoạt tập trung). Đến nay, có 16 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Về giải ngân, đến cuối năm 2014 đã giải ngân được 19.114 triệu đồng, đạt 81,3% kế hoạch giao.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I kèm theo).

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

a. Tình hình phân bổ vốn từ năm 2011 đến năm 2014.

- Vốn Trung ương đã phân bổ: Từ năm 2011 đến năm 2014 Trung ương bố trí tổng vốn là 59.400,00 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT là 24.600,0 triệu đồng chiếm 41,41%% và vốn SN là 34.800,0 triệu đồng chiếm 58.59 %. Cụ thể:

Phân theo các năm	Vốn đã cấp (triệu đồng)			Ghi chú
	Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
Năm 2011	9.000,00	-	9.000,00	
Năm 2012	15.000,00	5.000,00	10.000,00	
Năm 2013	12.600,00	4.600,00	8.000,00	
Năm 2014	22.800,00	15.000,00	7.800,00	
Tổng cộng:	59.400,00	24.600,00	34.800,00	

- Vốn địa phương đã phân bổ: Từ năm 2011 đến năm 2014 NS tỉnh bố trí tổng vốn là 18.912,8 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT là 18.532,8 triệu đồng và vốn SN là 380,0 triệu đồng. Cụ thể:

Phân theo các năm	Vốn đã cấp (triệu đồng)			Ghi chú
	Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
Năm 2011	3.081,0	3.081,0	-	
Năm 2012	12.664,5	12.664,5	-	
Năm 2013	1.780,0	1.400,0	380,0	
Năm 2014	1.387,3	1.387,3	-	
Tổng cộng:	18.912,8	18.532,8	380,0	

b. Kết quả thực hiện từ năm 2011 đến năm 2014.

- Về hình thức ĐCĐC tập trung: Từ năm 2011 đến năm 2014, tổng nguồn vốn (Trung ương và địa phương) đã bố trí cho 06 Dự án/29 Dự án ĐCĐC tập trung, với tổng vốn là 32.668,2 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW là 31.278,2 triệu đồng, vốn địa phương là 1.390 triệu đồng.

+ Đối với nguồn vốn địa phương là 1.390 triệu đồng trên đã lồng ghép với NSTW phân bổ cho 02 Dự án ĐCĐC tập trung: Dự án xây dựng điểm ĐCĐC tập trung thôn Nước Giáp, xã Ba Khâm, huyện Ba Tơ và Dự án xây dựng điểm ĐCĐC tập trung Mang Pô, xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà.

+ Nguồn vốn NSTW là 31.278,2 triệu đồng, trong đó:

. Vốn ĐTPT: 24.600 triệu đồng đã bố trí 06 Dự án, đến nay đã hoàn thành 1 Dự án (*Dự án xây dựng điểm ĐCĐC tập trung Mang Pô, xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà*), các Dự án còn lại chưa hoàn thành.

. Vốn sự nghiệp: đến năm 2014 Trung ương đã phân bổ 17.025,9 triệu đồng đủ vốn cho 17 Dự án, trong đó có 06 Dự án đã được phân bổ vốn ĐTPT nêu trên.

- Về hình thức ĐCĐC xen ghép: Từ năm 2011 đến năm 2014, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện 05 Dự án ĐCĐC xen ghép, với tổng kinh phí là 17.855,58 triệu đồng, đạt 72,9% so KH vốn sự nghiệp thực hiện ĐCĐC xen ghép tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg; tuy kinh phí đã thực hiện chỉ đạt 72,9% nhưng đã giải quyết được 743 hộ ĐCĐC ổn định, đạt 155,4% so số hộ tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg. Hình thức ĐCĐC xen ghép trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành vào cuối năm 2013 vì chỉ thực hiện 61 điểm/70 điểm ĐCĐC xen ghép của 06 Dự án này, còn lại 09 điểm ĐCĐC xen ghép (*thuộc 03 Dự án ở các huyện: Ba Tơ 06 điểm, Tây Trà 02 điểm, Sơn Tây 01 điểm*) thực hiện theo Chương trình, Chính sách, Dự án khác. Cụ thể như sau:

TT	Tên Dự án	Tình hình TH năm 2011-2014			Trong đó						Ghi chú
		Số điểm ĐCĐC	Số hộ	Tổng vốn SN (tr. đồng)	năm 2011			năm 2012			
					Số điểm ĐCĐC	Số hộ	Tổng vốn SN (tr. đồng)	Số điểm ĐCĐC	Số hộ	Tổng vốn SN (tr. đồng)	
1	DA ĐCĐC xen ghép huyện Ba Tơ	3	9	222,00	3	9	222,00	0	0	0	Năm 2013 và năm 2014 các Dự án không còn nhu cầu thực hiện ĐCĐC XG
2	DA ĐCĐC xen ghép huyện Minh Long	3	25	950,00	3	25	950,00	0	0	0	
3	DA ĐCĐC xen ghép huyện Sơn Hà	12	283	10.367,62	6	86	3.144,42	6	197	7.223,20	
4	DA ĐCĐC xen ghép huyện Sơn Tây	5	78	3.042,00	4	59	2.301,00	1	19	741,00	
5	DA ĐCĐC xen ghép huyện Trà Bồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	DA ĐCĐC xen ghép huyện Tây Trà	8	77	3.004,38	7	61	2.382,58	1	16	621,80	
Tổng cộng		31	472	17.586,00	23	24	9.000,00	8	232	8.586,00	

(Chi tiết có tại Phụ lục II).

IV. Nhận xét, đánh giá

1. Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg.

- Về mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân giai đoạn 2011-2015: Mục tiêu của Chương trình được đặt ra là giảm bình quân 4%/năm. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh trong giai đoạn 2011-2014 là 6,75%/năm.

- Về tỉ lệ xã, thôn có điện đến năm 2015: Mục tiêu là 95% trung tâm xã, trên 60% thôn có điện. Hiện nay, tỉnh ta đã có 100% trung tâm xã và 92% thôn đã có điện lưới.

- Về thu nhập bình quân đầu người: Mục tiêu là thu nhập bình quân đầu người đạt 50% mức bình quân chung khu vực nông thôn của cả nước. Hiện nay, chỉ số này thực tế của tỉnh chỉ đạt khoảng 35%.

- Về giao thông: Mục tiêu là 85% số thôn có đường xe cơ giới, trong đó có 35% số xã và 50% số thôn có đường giao thông đạt chuẩn. Hiện nay mục tiêu này chưa đạt. Thực tế chỉ số này của tỉnh tương ứng ở cấp xã là 19,6% và thôn là 8,5%.

- Về thủy lợi: Mục tiêu là các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 50% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây hàng năm. Hiện nay mục tiêu này chưa đạt.

- Về y tế: Mục tiêu là trên 50% Trạm y tế xã được chuẩn hóa. Hiện nay, chỉ số này thực tế của tỉnh chỉ đạt khoảng 26,8%.

- Về các công trình hạ tầng giáo dục, văn hóa: Mục tiêu là các công trình này được quan tâm đầu tư để đạt mục tiêu của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững. Hiện nay chỉ tiêu này chưa đạt.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 là nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất.

- Đối với hình thức ĐCĐC xen ghép thì việc triển khai ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép với mức 20 triệu đồng/hộ để bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất để giao cho hộ đến ĐCĐC và phần kinh phí còn lại đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã là quá ít, tuy nhiên các địa phương đã có nhiều hình thức năng động, sáng tạo trong quá trình vận động cộng đồng dân cư sở tại nêu cao ý thức trách nhiệm giúp đỡ hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép có đủ đất ở, đất sản xuất nên các huyện đã hoàn thành tốt kế hoạch trong giai đoạn đầu về hình thức ĐCĐC xen ghép.

- Với mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, mắc điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở tại điểm ĐCĐC và hỗ trợ phát triển sản xuất với hiện nay là quá thấp không phù hợp với điều kiện thực tế, chưa tạo điều kiện tốt cho hộ du canh, du cư thực hiện ĐCĐC có cơ hội phát triển.

- Vốn Trung ương bố trí từ năm 2009 đến nay (tổng vốn là 93.300,00 triệu đồng đạt 46,8% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg, trong đó: vốn ĐTPPT là 38.600,0 triệu đồng chiếm 29,7% và vốn SN là 54.700,0 triệu đồng chiếm 90,3% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg) nên địa phương gặp nhiều khó khăn:

+ Không đảm bảo thực hiện được mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Tỷ lệ giữa hai nguồn vốn ĐTPPT và nguồn vốn sự nghiệp đã bố trí chưa hợp lý, vì chưa có vốn ĐTPPT để xây dựng cơ sở hạ tầng mà lại bố trí vốn sự nghiệp để hỗ trợ trực tiếp cho hộ về điểm ĐCĐC tập trung nên không thể thực hiện được vốn sự nghiệp đã phân cho một số Dự án ĐCĐC tập trung trong những năm vừa qua. Do vậy, năm 2015 Trung ương bố trí vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng, đến nay chưa phân bổ được vì: hình thức ĐCĐC xen ghép không còn đối tượng để thực hiện; các Dự án ĐCĐC tập trung còn lại chưa được bố trí vốn ĐTPPT để xây dựng hạ tầng thiết yếu nên chưa có cơ sở để phân bổ vốn này.

V. Kiến nghị của địa phương.

1. Chương trình 135

Trong giai đoạn 2011-2014, Chương trình 135 trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh và đã đạt được một số mục tiêu đề ra cho cả giai đoạn 2011-2015. Để Chương trình 135 thời gian đến tiếp tục đóng vai trò là một trong những chương trình then chốt, góp phần đáng kể vào mục tiêu thu hẹp dần khoảng cách giữa khu vực đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi với các khu vực khác trong tỉnh, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành trung ương:

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình 135 trong giai đoạn 2016-2020. Ngoài các nội dung đang thực hiện (*đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất và duy tu bảo dưỡng công trình CSHT*) cần bổ sung 02 nội dung hỗ trợ gồm: (i) đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ xã và cộng đồng, (ii) truyền thông, giám sát và đánh giá Chương trình.

- Các Bộ, Ngành tham mưu cho Chính phủ phân bổ vốn cho Chương trình đúng theo định mức đã được Thủ tướng Chính phủ qui định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg; đồng thời phối hợp, có văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn kịp thời và đồng bộ trong năm 2015 để có thể sử dụng ngay khi bắt đầu giai đoạn 2016-2020.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Cân đối, bố trí đủ kinh phí theo kế hoạch các Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo cơ sở để thực hiện tốt các nội dung của Chính sách, có vậy mới nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số còn du canh, du cư đạt được mục tiêu của Chính sách theo theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trước mắt để giải ngân được kinh phí sự nghiệp đã bố trí cho 10 Dự án ĐCĐC tập trung (*chưa đủ vốn ĐTPT và chưa bố trí vốn ĐTPT*), Trung ương quan tâm bố trí 35.604 triệu đồng từ nguồn vốn ĐTPT để đầu tư xây dựng dứt điểm 10 Dự án này.

- Cho chuyển nguồn vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng Trung ương đã phân bổ cho tỉnh để thực hiện ĐCĐC trong năm 2015 sang năm 2016.

- Tăng định mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, phát triển sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC lên mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ.

- Cho chủ trương, hướng dẫn điều chỉnh tổng mức đầu tư của từng Dự án ĐCĐC tập trung còn lại để phù hợp với tình hình trượt giá hiện nay.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011-2014, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Đoàn thanh tra của Thanh tra Ủy ban Dân tộc để phục vụ công tác thanh tra theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Đoàn Thanh tra UBĐT;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, TT.B.

TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Thế

TỈNH HÌNH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN 2 THUỘC CTMTCCGN, QUYẾT ĐỊNH SIL/TTG
TỪ NĂM 2011 ĐẾN HẾT NĂM 2014 TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2011						Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014						
		Tổng kinh phí các năm		Nguồn khác	NSDP	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP
		Tổng số	3																			
I	Kinh phí được Trung ương giao	301,704	301,704	261,804		39,900	75,014	68,714		6,300	67,300	48,200	19,100	61,770	57,270		4,500	97,620	87,620		10,000	
II	Tổng kinh phí được sử dụng	302,954	302,954	261,804	350	39,900	75,014	68,714	350	6,300	67,300	48,200	19,100	61,770	57,270	350	4,500	97,620	87,620	350	10,000	
III	Kinh phí tính phân bổ	302,054	302,054	261,804	350	39,900	75,014	68,714	350	6,300	67,300	48,200	19,100	61,770	57,270		4,500	97,970	87,620	350	10,000	
I	Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất	33,200	33,200	33,200			14,150	14,150										19,050	19,050			
	- <i>Liên đoàn tư phát triển</i>																					
	- <i>Liên hiệp nghề</i>	33,200	33,200	33,200			14,150	14,150										19,050	19,050			
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu	214,000	214,000	214,000			48,200	48,200			48,200	48,200		53,000	53,000			64,600	64,600			
3	Dự án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở	2,985	2,985	2,985			2,985	2,985														
4	Kinh phí duy tu bảo dưỡng	11,277	11,277	11,277			3,037	3,037						4,270	4,270			3,970	3,970			
5	Kinh phí quản lý	692	692	342	350		342	342										350	350			
6	Dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng vốn viện trợ nước ngoài cho CT 135	39,900	39,900			39,900	6,300			6,300	19,100		19,100	4,500			4,500	10,000			10,000	

2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC	13,823.80	13,823.80	-	-	-	1,237.50	-	-	6,440.10	-	-	6,146.20
V	KP thực rút tại kho bạc												
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng												
	- Vốn đầu tư phát triển	24,483.00	24,483.00				4,883.00			4,600.00			15,000.00
	- KP sự nghiệp	-	-				-			-			-
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC	3,804.00											
VI	KP đã quyết toán												
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng												
	- Vốn đầu tư phát triển		23,527.92							4,223.74			14,421.18
	- KP sự nghiệp		23,527.92				4,883.00			4,223.74			14,421.18
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC												
VII	KP giảm trong năm												
I	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng												
	- Vốn đầu tư phát triển												
	- KP sự nghiệp												
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC												
VIII	Kinh phí đư cuối năm												
I	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng												
	- Vốn đầu tư phát triển												
	- KP sự nghiệp												
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC												
	- Vốn đầu tư phát triển		1,072.08							368.12			703.96
	+ Dự dư toán		117.00							368.12			703.96
	+ Dự tạm ứng		955.08										586.96
	- KP sự nghiệp												
	+ Dự dư toán												
	+ Dự tạm ứng												
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ ĐCĐC thực hiện ĐCĐC	2,701.00											
	- Dự dư toán	2,701.00											
	- Dự tạm ứng												

* **Ghi chú:** Kinh phí sự nghiệp hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng ở Phụ biểu 02 trên đây được hiểu là kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới đưa vào sản xuất và kinh phí hỗ trợ cán bộ phát triển cộng đồng (cán bộ y tế và cán bộ khuyến nông) tại các điểm ĐCĐC tập trung. Thời gian hỗ trợ 03 năm tính từ khi đã tổ chức các hộ về điểm ĐCĐC tập trung.